

HỘI ĐỒNG BẦU CỬ QUỐC GIA  
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 79 /VPĐBCQG-TT

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2021

V/v cập nhật thông tin theo  
biểu mẫu gửi kèm Công văn  
số 64/VPĐBCQG-TT

SỞ NỘI VỤ TỈNH KHÁNH HÒA

ĐẾN

Số: 2399  
Ngày: 05/3/21

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

Ngày 24/02/2021, Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia đã có Công văn số

64/VPĐBCQG-TT gửi Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố về việc đôn đốc tiến độ triển khai công tác bầu cử, trong đó yêu cầu ngay sau khi kết thúc Hội nghị hiệp thương lần thứ hai, đề nghị Ủy ban bầu cử các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng bầu cử quốc gia việc lập danh sách sơ bộ người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân ở các địa phương (*trước ngày 19/3/2021*) qua Thường trực Văn phòng Hội đồng bầu cử quốc gia theo địa chỉ Nhà Quốc hội, Số 02 Đường Bắc Sơn, Ba Đình, Hà Nội.

- Số điện thoại: 080 41808; 080 41837

- Số FAX: 080 44205; 080 44206.

- Email: [vphoidongbaucu@quochoi.vn](mailto:vphoidongbaucu@quochoi.vn); [hieutd@quochoi.vn](mailto:hieutd@quochoi.vn).

Do có yêu cầu cập nhật thêm một số thông tin trong biểu thống kê ở biểu gửi kèm theo, đồng thời tại mục cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân đã đề nghị thống kê "*dưới 35 tuổi*", nay, để đảm bảo thống nhất giữa các văn bản trong việc triển khai thực hiện, do đó xin được đính chính lại là "*dưới 40 tuổi*". Đề nghị Ủy ban bầu cử ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sử dụng biểu mẫu cung cấp các thông tin theo biểu thống kê gửi kèm công văn này, các nội dung khác vẫn thực hiện như công văn số 64/VPĐBCQG-TT ngày 24/2/2021.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
  - Sở Nội vụ tỉnh, thành phố;
  - Lưu: HC, VPĐBCQG.
- e-Pas: 14526

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Hạnh Phúc



**CÁC SỐ LIỆU ĐỀ NGHỊ ỦY BAN BẦU CỬ  
TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG TỔNG HỢP**

**1- Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Quốc hội**

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ		
2.	Ngoài đảng		
3.	Dưới 40 tuổi		
4.	Người dân tộc thiểu số		
5.	Tôn giáo		
6.	Tái cử		
7.	Tự ứng cử		
8.	Trên đại học		
9.	Đại học		
10.	Dưới đại học		

**2- Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ		
2.	Ngoài đảng		
3.	Dưới 40 tuổi		
4.	Người dân tộc thiểu số		
5.	Tôn giáo		
6.	Tái cử		
7.	Tự ứng cử		
8.	Trên đại học		
9.	Đại học		
10.	Dưới đại học		

**3- Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện**

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ		
2.	Ngoài đảng		
3.	Dưới 40 tuổi		
4.	Người dân tộc thiểu số		
5.	Tôn giáo		
6.	Tái cử		
7.	Tự ứng cử		
8.	Trên đại học		
9.	Đại học		
10.	Dưới đại học		

**4- Tỷ lệ cơ cấu thành phần, trình độ người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã:**

STT	Cơ cấu, thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1.	Nữ		
2.	Ngoài đảng		
3.	Dưới 40 tuổi		
4.	Người dân tộc thiểu số		
5.	Tôn giáo		
6.	Tái cử		
7.	Tự ứng cử		
8.	Trên đại học		
9.	Đại học		
10.	Dưới đại học		

**5-Số đơn vị bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp**

STT	ĐBQH/ĐBHĐND	Số đại biểu được bầu	Số đơn vị bầu cử	Số Ban bầu cử đã thành lập
1.	Đại biểu Quốc hội			
2.	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh			
3.	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện			
4.	Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã			